



STONIA[®]
ACRYLIC SOLID SURFACE

PROJECTS

DANH MỤC

TÊN DỰ ÁN	SỐ LƯỢNG	HẠNG MỤC	VỊ TRÍ	THỜI GIAN
Samsung Raemian Park palace	1200 căn hộ	Mặt vanity, Mặt bếp	Garakdong, Seoul	2018
Hyundai Hillstate Helio city	1500 căn hộ	Mặt vanity, Mặt bếp	Garakdong, Seoul	2018
Hyundai Hillstate	350 căn hộ	Mặt bếp, Mặt lavabo	Geje, Gyung Nam	2018
Hyundai Eco-Hillstate	420 căn hộ	Mặt vanity, Mặt bếp	Munjungdong, Seoul	2018
Samsung Electronics (Nhà máy)	Cafeteria	Quầy thực phẩm, Ngạch cửa sổ	Yên Phong, Bắc Ninh	2013
Vinhomes Central Park (Park 1, 2, 5)	1260 căn hộ	Mặt bếp, Lavabo, Vách bồn tắm	Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	2016-2017
Đảo Kim Cương (Giai đoạn 2)	230 căn hộ	Mặt bếp	Quận 2, Hồ Chí Minh	2018
Panorama Nha Trang	1068 căn hộ	Mặt bếp và tường	Nha Trang, Khánh Hòa	2018-2019
Coco Bay Resort (Tower B)	308 căn hộ	Mặt bếp, Mặt lavabo	Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	2018
Khách sạn Bông Sen	226 căn hộ	Mặt vanity	Nha Trang, Khánh Hòa	2019
Feliz Block A, Block D	160 căn hộ	Mặt bếp	Quận 2, Hồ Chí Minh	2019
Monarchy	480 căn hộ	Mặt bếp, Mặt lavabo	Sơn Trà, Đà Nẵng	2019
Jamona Heights	179 căn hộ	Mặt bếp	Quận 7, Hồ Chí Minh	2018-2019

GIỚI THIỆU

STONIA® ACRYLIC SOLID SURFACE

TÍNH NĂNG ƯU VIỆT

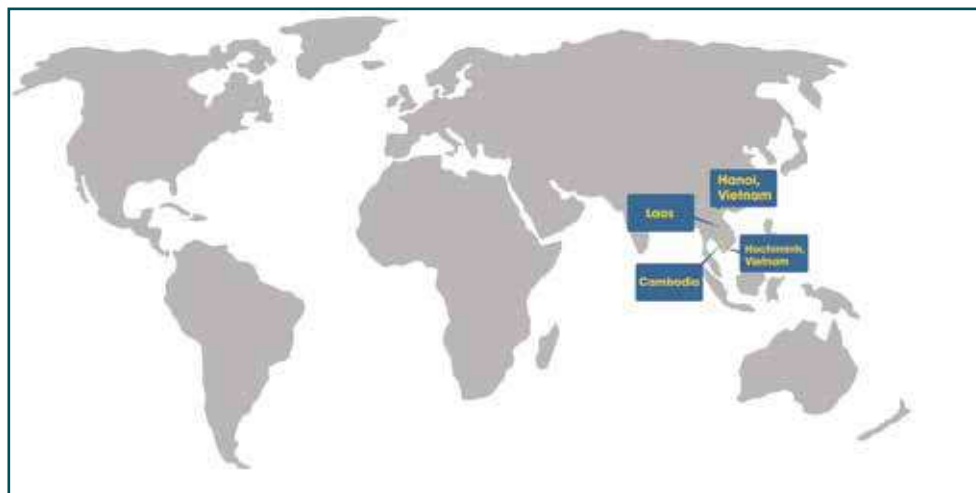
- 🔧 Dễ dàng chế tạo và lắp đặt
- 🎨 Màu sắc và kiểu dáng phong phú
- 🛡️ Chống gỉ sét và các chất hóa học
- 🔒 Siêu kháng khuẩn nhờ cấu trúc liên kết chặt chẽ

ỨNG DỤNG ĐA DẠNG

- 🔬 Phòng thí nghiệm
- 🏠 Khu vực công cộng
- 🏥 Trạm y tế/ Bệnh viện
- 🚿 Mặt quầy/ Mặt lavabo
- 🚗 Đồ nội thất/ Bàn hội nghị
- ☎️ Quầy lễ tân
- 💰 Quầy giao dịch
- 📋 Quầy trưng bày, kệ tủ
- 🍹 Quầy thực phẩm, đồ uống
- 🚪 Ngưỡng cửa sổ/ Mép tường

Sản phẩm **STONIA®** Solid Surface là vật liệu đá nhân tạo thế hệ mới được tạo thành từ sự kết hợp thông minh giữa độ bền cao của khoáng chất tự nhiên, khả năng chống thấm nước tuyệt vời của Acrylic và sự đa dạng của các chất tạo màu. Với nhiều tính năng vượt trội hơn hẳn so với những sản phẩm thông thường, STONIA® Solid Surface thực sự là một vật liệu lý tưởng để hiện thực những ý tưởng, những sáng tạo tuyệt vời của nhà thiết kế, dù cho đó có là một bản vẽ cầu kỳ và phức tạp.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



SAMSUNG RAEMIAN PARK PALACE

Dự án **Samsung Raemian Park palace**

Số lượng 1200 căn hộ

Hạng mục Mặt bếp, Mặt vanity

Vị trí Garakdong, Seoul

Thời gian 2018





STONIA.COM.VN

HYUNDAI HILLSTATE HELIO CITY

Dự án	Hyundai Hillstate Helio city
Số lượng	1500 căn hộ
Hạng mục	Mặt vanity, Mặt bếp
Vị trí	Garakdong, Seoul
Thời gian	2018

HYUNDAI HILLSTATE

HYUNDAI HILLSTATE

Dự án	Hyundai Hillstate
Số lượng	350 căn hộ
Hạng mục	Mặt bếp
Vị trí	Geje, Gyung Nam
Thời gian	2018





HYUNDAI ECO-HILLSTATE

Dự án	Hyundai Eco-Hillstate
Số lượng	420 căn hộ
Hạng mục	Mặt vanity, Mặt bếp
Vị trí	Munjangdong, Seoul
Thời gian	2018



SAMSUNG ELECTRONICS

Dự án	Samsung Electronics (Nhà máy)
Số lượng	Toàn bộ khu Cafeteria
Hạng mục	Quầy thực phẩm, Ngạch cửa sổ
Vị trí	Yên Phong, Bắc Ninh
Thời gian	2013



SAMSUNG ELECTRONICS

VINHOMES CENTRAL PARK

Dự án	Vinhomes Central Park (Park 1, 2, 5)
Số lượng	1260 căn hộ
Hạng mục	Mặt bếp, Mặt lavabo, Vách bồn tắm
Vị trí	Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Thời gian	2016-2017



ĐẢO KIM CƯƠNG

Dự án **Đảo Kim Cương (Giai đoạn 2)**
Số lượng 230 căn hộ
Hạng mục Mặt bếp
Vị trí Quận 2, Hồ Chí Minh
Thời gian 2018

DIAMOND ISLAND



PROJECTS



STONIA.COM.VN

PANORAMA NHA TRANG

PANORAMA NHA TRANG



Dự án	Panorama Nha Trang
Số lượng	1068 căn hộ
Hạng mục	Mặt bếp, Tường
Vị trí	Nha Trang, Khánh Hòa
Thời gian	2018-2019

COCO BAY RESORT

COCO BAY RESORT

Dự án	Coco Bay Resort (Tower B)
Số lượng	308 căn hộ
Hạng mục	Mặt bếp, Mặt lavabo
Vị trí	Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Thời gian	2018



KHÁCH SẠN BÔNG SEN

Dự án	Khách sạn Bông Sen
Số lượng	226 căn hộ
Hạng mục	Mặt vanity
Vị trí	Nha Trang, Khánh Hòa
Thời gian	2019



DỰ ÁN FELIZ

Dự án	Feliz Block A, Block D
Số lượng	160 căn hộ
Hạng mục	Mặt bếp
Vị trí	Quận 2, Hồ Chí Minh
Thời gian	2019

DỰ ÁN FELIZ



PROJECTS



MONARCHY

Dự án	Mornachy
Số lượng	480 căn hộ
Hạng mục	Mặt bếp, Mặt lavabo
Vị trí	Sơn Trà, Đà Nẵng
Thời gian	2019



JAMONA HEIGHTS

Dự án	Jamona Heights
Số lượng	179 căn hộ
Hạng mục	Mặt bếp
Vị trí	Quận 7, Hồ Chí Minh
Thời gian	2018-2019





STONIA SOLID SURFACE

Sự lựa chọn phù hợp nhất cho bạn



GLOBAL BLENDED WITH TWENTY GLOBAL MODELS

TEST REPORT

16, Jendral Sudirman, Gedung 10, Cikarang, Jombangregency-40
1525, P.O. Box 10000

Report Ref: KTR-0010

Client: PT. Sinar Mas, PT. Sinar Mas

INDONESIA, LTD.

400, Soekarno, Jombangregency, Jombangregency, Cikarang
Jombangregency-40, 1525, P.O. Box 10000

Sample: Surface water (river)

16, Jendral Sudirman, Gedung 10, Cikarang, Jombangregency-40
1525, P.O. Box 10000

Report Date: May 10, 2019

Test Completion Date: May 10, 2019

TEST RESULTS

TEST ITEM	UNIT	RESULT	TEST METHOD
NOTE: 1. The test results on this report are only valid if the samples are properly handled, stored by the customer and KTR does not guarantee the quality of all constructs in the construct, and you can receive the authority of the test equipment (KTR) to all of the above-mentioned items. 2. The test report shall be used as a guide to the quality of the samples, and any other possible results are shown in the test report. 3. Only original copy (including printed copy) of the test results shall be used as a reference for the test results only.			

Handwritten Signature

Reported by: PT. Sinar Mas
Cikarang, Jombangregency

Handwritten Signature

Reviewed by: PT. Sinar Mas
Cikarang, Jombangregency

June 10, 2019

Korea Testing & Research Institute

President

1 of 100 - 1 Sample

Electronic data is for your reference only.

QR Code for more information



© 2019 KTR. All Rights Reserved.



QATEST 2

TỔNG CỤC THIẾT KẾ VÀ LƯỢNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM KỸ THUẬT THIẾT KẾ VÀ LƯỢNG CHẤT LƯỢNG 2

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 2

18/02/2020

Page 01/01

K77-0018X000

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample

2. Mô tả mẫu
Description

3. Số lượng mẫu
Quantity

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

5. Nơi gửi mẫu
Customer

6. Thời gian thử nghiệm
Testing duration

7. Kết quả thử nghiệm
Test result

ĐÁ NHẪN TẠO STONEX

(Mẫu thử nghiệm do khách hàng tự mẫu, thử mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*)

(10 viên/pocket – (200 x 100 x 12) mm)

01

07/02/2020

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XÂY DỰNG KHÁU LAM NGUYỄN
81 042/58 Nguyễn Đức Thạc, Quận 9, TP HCM

18/02/2020 – 18/02/2020

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>TCVN</i>	Kết quả thử nghiệm / <i>Test result</i>							
		1	2	3	4	5	6	7	8
7.1. Độ cứng mẫu, <i>Flame absorption</i>	% TCVN 6415-3:2018	0,18	0,18	0,17	0,18	0,16	0,16		
7.2. Độ mài mòn mẫu, <i>Depth abrasion</i>	mm ³ TCVN 6415-5:2016	198	202	200	200	200	200		
• Chiều dài sợi mài, <i>Length of the groove</i>	mm ³ TCVN 6415-18:2016	28,7	28,9	28,8	28,8	28,9	28,8		
7.3. Độ cứng bề mặt (Hàng Mohs) <i>Surface hardness (Mohs's scale)</i>	MpPa TCVN 6415-4:2016	2	3	3	3	2	3		
7.4. Cường độ uốn, <i>Flexural strength</i>	MpPa TCVN 6415-2:2018	62,4	62,9	63,3	61,1	39,2	61,8		
7.5. Độ bền chống bắn bắn, <i>Economize in plaster</i>	kg/cm ² TCVN 6415-2:2018	5	5	5	5	5	5		
• Mỡ / <i>fatness</i>		5	5	5	5	5	5		
• Độ nhớt / <i>Gloss oil</i>									

Chỉ tiêu thử: Th: Trung bình / *Average*; Trung Mohs / *Mohs's scale*; 2 (20 viên)

TL: PHỤ THẠCH PTN XÂY DỰNG

FOR HEAD OF CIVIL ENGINEERING

TESTING LAB.

Nguyễn Tấn Trung

Subtitle	CRS Number	Maximum Allowed Prohibited Concentration	Units
Formaldehyde		0.25	mg/m ³
Formaldehyde	30100-0	0.01 (100)	g/g
Heavy metals (as Pb)		4.75	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	100000-0	1.0	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	101000-0	10	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	102000-0	100	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	103000-0	1000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	104000-0	10000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	105000-0	100000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	106000-0	1000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	107000-0	10000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	108000-0	100000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	109000-0	1000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	110000-0	10000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	111000-0	100000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	112000-0	1000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	113000-0	10000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	114000-0	100000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	115000-0	1000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	116000-0	10000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	117000-0	100000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	118000-0	1000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	119000-0	10000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	120000-0	100000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	121000-0	1000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	122000-0	10000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	123000-0	100000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	124000-0	1000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	125000-0	10000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	126000-0	100000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	127000-0	1000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	128000-0	10000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	129000-0	100000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	130000-0	1000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	131000-0	10000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	132000-0	100000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	133000-0	1000000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	134000-0	10000000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	135000-0	100000000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	136000-0	1000000000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	137000-0	10000000000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	138000-0	100000000000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	139000-0	1000000000000000000000000000000000000000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	140000-0	100	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	141000-0	1000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	142000-0	100	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	143000-0	1000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	144000-0	100	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	145000-0	1000	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	146000-0	100	g/m ²
Polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs)	147000-0	10	

NSF International
795 S. Dixie Road, Ann Arbor, MI 48106 USA

REGISTERED
Snogen Corp.
Facility: Chungcheongsan-do, South Korea

AS COMPLYING WITH NSF/ANSI 21 AND ALL APPLICABLE REQUIREMENTS.
PRODUCTS APPEARING IN THE NSF OFFICIAL LISTING ARE
AUTHORIZED TO BEAR THE NSF MARK.

This certification is not evidence of product safety or health hazard protection. This certification is not evidence of product safety or health hazard protection. This certification is not evidence of product safety or health hazard protection.


Date: 11/11/04
Facility: Chungcheongsan-do

Global Imaging Service, Inc. (Global Imaging, Inc.)

BẢNG CHI TIẾT KỸ THUẬT

Độ dày sản phẩm (mm)	Độ rộng sản phẩm (mm)	Chiều dài sản phẩm (mm)
6	760	2.490
12	760	3.680

Trọng lượng (kg)	Độ dày	Thử nghiệm với chất rắn	Đơn vị	Thử nghiệm với đá hoa cương	Đơn vị
STONIA®	6mm	1,14	lbs	1,08	lbs
	12mm	4,55	lbs	4,32	lbs
	6mm	0,52	Kg	0,49	Kg
	12mm	2,07	Kg	1,96	Kg

Trọng lượng (tấn)	Độ dày	Độ rộng Chiều dài	M ² /tấn	Kg / tấc
STONIA®	6mm	760/2.490	2	20 ~ 21
	12mm	760/3.680	3	57 ~ 61

TÍNH NĂNG

- Màu sắc và kiểu dáng phong phú
- Chống gỉ sét và các chất hoá học
- Cấu trúc liên kết chặt
- Dễ dàng chế tạo và lắp đặt liên một mảnh

ỨNG DỤNG

- Bàn làm việc
- Bàn văn phòng
- Kính doanh nội bộ
- Một phẳng gian bếp
- Bàn trang điểm
- Trang trí tường
- Bàn trong phòng thí nghiệm

BẢO HÀNH VÀ SỬA CHỮA

Tất cả các sản phẩm của STONIA® được chế tạo công phu theo tiêu chuẩn ISO 9001 và được nung cẩn thận bởi một đội ngũ đông đảo nhân viên kỹ thuật. Mọi kết cấu STONIA® đều được bảo hành 10 năm (sau khi lắp đặt) nếu vật liệu được sản xuất và lắp ráp bởi nhà sản xuất có thẩm quyền và bảo hành, duy trì một cách chính xác theo hướng dẫn.

ĐỘ BỀN HÓA HỌC

Vật liệu kiểm nghiệm	Đánh giá độ hư G02	Đánh giá độ hư S06
Axit Acetic (độ chua của giấm)	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Axit Citric (độ chua của chanh)	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Natri Cacbonat	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Nước Amoniac	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Cồn Ethylic	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Rượu trắng, rượu đỏ, rượu miền Nam	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Nước uống có ga	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Café hoà tan	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Trà đậm	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Nước trái cây	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Et-xăng	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Aceton	3	3
Etylic-Butila Axetat	3	3
	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Dầu Oliu	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Hành củ	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Son môi	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Thuốc tẩy	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Các vết chấm đen	2	2-3
Mực con dấu	1	1
Thuốc lau chùi nhà cửa	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng
Các chất tẩy rửa	Không bị ảnh hưởng	Không bị ảnh hưởng

Dựa theo đánh giá kiểm nghiệm của DIN 68930 Tab 1

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Đặc điểm kỹ thuật	Đơn vị tính	Kết quả		Phương pháp thử nghiệm	
		Chất rắn	Đá hoa cương		
Thông số	lbs/in	0.063	0.06	ASTM D 792	
Trọng lượng riêng		1.75		JIS-K-7112	
Độ chịu nhiệt	m/m/°C x 106in/in/ F	30.0 x 10 ^o		ASTM D 696	
		1.02	1.21		
Độ giãn nở	mm	< 0.05		DIN 318	
Công suất làm cứng	lbs/in	5500 1.4 x 10 ^o	5200 1.1 x 10 ^o	ASTM D 638	
	kg/cm	95000			
	Công suất uốn cong	lbs/in	11000 1.4 x 10 ^o	10500 1.1 x 10 ^o	ASTM D 790
kg/cm		98000			
Độ căng		kg/cm	390		ASTM D 638
Độ uốn cong	kg/cm	790		ASTM D 790	
Độ cứng Rockwell		90	88	ASTM D 785	
	Barcol	63	61	ASTM D 785	
	Viết chì	H	5	5	JIS-K-5400 (2.2lbs)
Độ chịu lực (vật nặng rơi xuống)	kg x cm/cm	1.50		ASTM D 256	
	6mm	in/0.5lbs	31.50	29.50	JIS-K-6718
	9mm	in/1lbs	31.50	29.50	7211
	12mm	in/1lbs	47.20	47.20	NEMA-LDI-2.15
	12mm	mm	< 1400	< 1400	DIN EN 438, part 2, pt. 12'92
	(thử nghiệm bằng các dụng cụ thí nghiệm)	N	25	25	DIN EN 438, part 2, pt. 11'92
Chống nước	6mm	%	0.05	0.05	ASTM D 570
	9mm	(23°C)	0.05	0.05	
	12mm	24hrs	0.04	0.05	
Chống trơn trượt		>0.32 – 0.9		GMG 100(replaces R9)	
Ảnh hưởng thời tiết	°C	positive	positive	AMK	
Bị biến dạng bởi hơi nước	°F	221-230	221-230	ASTM D 648	
	°C	105-110	104-108		
Ảnh hưởng của hơi nóng (từ soong nấu)	°C	≤ 100		DIN 68 861, part 7, 04-'85	
Ảnh hưởng của độ nóng bốc hơi (từ soong nấu)	°C	7A		DIN 68 861, part 8, 04-'85	
Chống sức nóng từ tàn thuốc lá		6C	6B	DIN 68 861, part 6, 11-'82	
Tác hại của hoá chất		1B		DIN 68 861, part 1, 12-'81	
Độ chống trầy		4D	4B	DIN 68 861, part 4, 11-'81	
Mức ố màu	%	98		KS F 4810 - 198 6	
Tính điện	>1 x 1012 Ω	Cách điện		DIN IEC 1340-4-1, 04-'92	

Đặc điểm kỹ thuật	Đơn vị tính	Kết quả		Phương pháp thử nghiệm
		Chất rắn	Đá hoa cương	
Chịu thời tiết	Δ E (1000 hrs)	Không thay đổi	Không thay đổi	ASTM D 1499
Xenon (chịu ánh sáng)		Tốt hơn 6	Tốt hơn 6	DIN 53 387, 04-'89
Hợp vệ sinh		Phù hợp		
Ảnh hưởng thực phẩm		Thích hợp cho các loại màu năm 2003		LBBG § 31 vệ sinh an toàn thực phẩm
Chịu lửa		B1		Giấy chứng nhận BAM – DIN 4102-1



SAMSUNG INTERIOR COMPANY LIMITED

Hồ Chí Minh

📍 19w Nguyễn Hữu Cánh, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh

☎ (028) 3 7447 333

Hà Nội

📍 166 Nguyễn Xiển, Thanh Xuân, Hà Nội

☎ (024) 7308 8871

Website

🌐 www.samsunginterior.com

🌐 www.stonia.com.vn